



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LOẠI C NĂM 2022

KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 1 VÀ LỊCH PHÒNG VẤN VÒNG 2
KỶ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC PHÍA
BẮC VÀ MỘT SỐ ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG (CƠ QUAN THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG,
CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN) NĂM 2022

Ghi chú:

Số câu hỏi phần thi Kiến thức chung là 60 câu; Số câu hỏi phần thi Tiếng Anh là 30 câu. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nói trên, thí sinh nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi tại Vòng 1 được thi tiếp Vòng 2. Theo đó, thí sinh có số câu trả lời đúng từ 30 câu trở lên đối với phần thi Kiến thức chung và từ 15 câu trở lên đối với phần thi Tiếng Anh sẽ tiếp tục dự thi Vòng 2 - Phòng vấn

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2	
						Kiến thức chung	Tiếng Anh					
NHNN CHI NHÁNH ĐIỆN BIÊN												
1	NV0003	Lê Thị Ngọc	Ánh		30-12-1999	CVNV	48/60	28/30	Đạt	Bàn 1	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Thứ Bảy, ngày 24/9/2022
2	NV0004	Nguyễn Thị Tuệ	Chinh		22-7-1995	CVNV	33/60	24/30	Đạt			
3	NV0007	Vũ Thị	Hà		27-05-1995	CVNV	54/60	29/30	Đạt			
4	NV0008	Nguyễn Thị Thu	Hà		25-12-1997	CVNV	47/60	23/30	Đạt			
5	NV0012	Nguyễn Thị	Huệ		12-11-1990	CVNV	40/60	17/30	Đạt			
6	NV0013	Vũ Mạnh	Hùng	15-9-1997		CVNV	46/60	21/30	Đạt			
7	NV0014	Lường Thị	Liêm		06-04-2000	CVNV	33/60	16/30	Đạt			
8	NV0017	Nguyễn Ngọc	Minh		09-12-2000	CVNV	42/60	26/30	Đạt			
9	NV0022	Trần Thu	Phương		31-8-1999	CVNV	39/60	27/30	Đạt			
10	NV0024	Lê Phương	Thanh		11-11-1999	CVNV	43/60	26/30	Đạt			



slp

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
11	NV0025	Trần Thị Phương	Thảo		20-12-1999	CVNV	51/60	24/30	Đạt	Bàn 1	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Thứ Bảy, ngày 24/9/2022
12	NV0027	Phạm Phương	Thúy		08-12-1992	CVNV	33/60	18/30	Đạt			
13	NV0028	Đặng Thùy	Trang		19-5-1999	CVNV	35/60	25/30	Đạt			
14	NV0029	Trần Thị Thanh	Trang		03-12-2000	CVNV	42/60	30/30	Đạt			
15	NV0030	Nguyễn Thu	Trang		06-10-1999	CVNV	43/60	18/30	Đạt			
16	NV0031	Nguyễn Huyền	Trang		21-10-2000	CVNV	30/60	17/30	Đạt			
17	NV0009	Trần Thị Thu	Hằng		05-06-1992	CVNV	34/60	11/30	Không đạt			
18	NV0015	Trần Ngọc	Linh	30-01-1999		CVNV	45/60	13/30	Không đạt			
19	NV0020	Hoàng Nguyễn Ngọc	Ngân		18-12-2000	CVNV	29/60	13/30	Không đạt			
20	NV0021	Lê Vũ Bảo	Ngọc		17-12-1999	CVNV	27/60	16/30	Không đạt			
21	NV0026	Trần Thị Phương	Thảo		04-01-1998	CVNV	19/60	20/30	Không đạt			
22	NV0033	Vũ Thị	Yên		25-08-1993	CVNV	35/60	14/30	Không đạt			
23	NV0034	Trịnh Thị	Yến		17-11-1994	CVNV	42/60	11/30	Không đạt			
24	NV0001	Lò Thị	An		10-3-1993	CVNV			Vắng			
25	NV0002	Bùi Thị Lan	Anh		29-4-1996	CVNV			Vắng			
26	NV0005	Nguyễn Thị	Dung		02-9-2000	CVNV			Vắng			
27	NV0006	Trần Cảnh	Dương	06-7-1994		CVNV			Vắng			
28	NV0010	Mai Thị	Hằng		17-09-1991	CVNV			Vắng			
29	NV0011	Đinh Thị	Hạnh		28-10-1997	CVNV			Vắng			
30	NV0016	Hoàng Thị Thùy	Linh		22-11-1999	CVNV			Vắng			
31	NV0018	Phùng Thị Lương	Năng		13-5-1985	CVNV			Vắng			
32	NV0019	Hoàng Thị Thùy	Ngân		19-12-1998	CVNV			Vắng			
33	NV0023	Trần Văn	Thắng	03-7-1988		CVNV			Vắng			
34	NV0032	Nguyễn Thị	Tươi		24-4-1987	CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
NHNN CHI NHÁNH CAO BẰNG												
1	NV0035	Lê Thị Mai	Anh		20-11-1989	CVNV	40/60	19/30	Đạt	Bàn 2	Ca 1, từ 08h00 - 09h30	Thứ Bảy, ngày 24/9/2022
2	NV0038	Hoàng Thu	Diệu		25-01-1990	CVNV	34/60	19/30	Đạt			
3	NV0039	Nông Tiến	Đạt	11-8-1990		CVNV	34/60	22/30	Đạt			
4	NV0041	Nông Thị Thu	Hằng		16-01-1994	CVNV	38/60	18/30	Đạt			
5	NV0043	Nguyễn Như	Hoài		13-10-1995	CVNV	41/60	Miễn	Đạt			
6	NV0046	Mông Linh	Hương		07-3-1999	CVNV	39/60	24/30	Đạt			
7	NV0048	Nguyễn Thị Thu	Hương		30-4-1989	CVNV	44/60	15/30	Đạt			
8	NV0049	Vũ Thanh	Huyền		04-12-1997	CVNV	33/60	17/30	Đạt	Bàn 2	Ca 2 từ 09h00 - 11h30	Thứ Bảy, ngày 24/9/2022
9	NV0050	Trần Thị Thu	Huyền		05-04-1994	CVNV	31/60	25/30	Đạt			
10	NV0053	Hoàng Huy	Mạnh	12-11-1999		CVNV	32/60	23/30	Đạt			
11	NV0054	Hoàng Phương	Nam	28-02-1995		CVNV	34/60	24/30	Đạt			
12	NV0057	Lương Thị Hồng	Nhung		29-3-1999	CVNV	35/60	22/30	Đạt			
13	NV0058	Ngô Văn	Quyến	02-01-1993		CVNV	43/60	23/30	Đạt			
14	NV0059	Trương Quốc	Tân	14-12-1992		CVNV	46/60	24/30	Đạt			
15	NV0061	Liêu Minh	Thế	07-06-2000		CVNV	51/60	28/30	Đạt			
16	NV0063	Lại Hồng	Thu		06-8-1996	CVNV	46/60	21/30	Đạt			
17	NV0064	Phạm Phương	Trà		15-10-1999	CVNV	30/60	16/30	Đạt			
18	NV0040	Sầm Việt	Hải	01-02-1991		CVNV	36/60	13/30	Không đạt			
19	NV0055	Hoàng Hồng	Nhung		05-04-1999	CVNV	32/60	11/30	Không đạt			
20	NV0056	Ngô Hồng	Nhung		01-10-1996	CVNV	36/60	12/30	Không đạt			
21	NV0060	Dương Hương	Thảo		30-10-1998	CVNV	29/60		Không đạt			
22	NV0062	Hoàng Huy	Thông	13-02-1997		CVNV	27/60	20/30	Không đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
23	NV0066	Đàm Thị Hồng	Vân		24-4-1995	CVNV	26/60	18/30	Không đạt			
24	NV0036	Bế Thị Phương	Anh		09-12-1995	CVNV			Vắng			
25	NV0037	Nguyễn Thùy	Chang		04-10-1999	CVNV			Vắng			
26	NV0042	Nguyễn Mai	Hiên		27-09-1992	CVNV			Vắng			
27	NV0044	Đàm Anh	Hoàng	13-11-1994		CVNV			Vắng			
28	NV0045	Nguyễn Nông Lan	Hương		09-6-1999	CVNV			Vắng			
29	NV0047	Phùng Mai	Hương		16-12-1993	CVNV			Vắng			
30	NV0051	Nguyễn Thùy	Linh		29-8-1992	CVNV			Vắng			
31	NV0052	Tô Mai	Loan		28-12-1994	CVNV			Vắng			
32	NV0065	Trần Cao	Văn	30-7-1990		CVNV			Vắng			
33	NV0067	Triệu Thúy	Vân		08-08-1993	CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH LẠNG SƠN												
1	NV0068	Bùi Ngọc	Cường	11-07-1995		CVNV	30/60	23/30	Đạt	Bàn 1	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Chủ Nhật, ngày 25/9/2022
2	NV0071	Nông Thị Hồng	Hạnh		06-04-1999	CVNV	36/60	21/30	Đạt			
3	NV0076	Vương Hoàng Mai	Hương		30-07-1998	CVNV	32/60	18/30	Đạt			
4	NV0077	Nguyễn Khánh	Linh		02-02-1998	CVNV	31/60	20/30	Đạt			
5	NV0688	Đỗ Minh	Long	10-11-2000		CVNV	37/60	19/30	Đạt			
6	NV0079	Bế Thị	Luyến		11-02-1995	CVNV	41/60	15/30	Đạt			
7	NV0085	Vũ Hồng	Nhung		17-11-1996	CVNV	40/60	Miễn	Đạt			
8	NV0087	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh		16-10-1998	CVNV	36/60	27/30	Đạt			
9	NV0088	Phạm Minh	Thành	25/10/1988		CVNV	42/60	27/30	Đạt			
10	NV0092	Nông Quỳnh	Trang		12-07-1995	CVNV	40/60	21/30	Đạt			
11	NV0095	Phan Minh	Vũ	06-10-2000		CVNV	39/60	29/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
12	NV0069	Nguyễn Trọng Đại	06-02-1988		CVNV	32/60	14/30	Không đạt			
13	NV0080	Lê Thị Mai		28-03-1992	CVNV	36/60	13/30	Không đạt			
14	NV0081	Vi Kim Thảo My		25-06-1998	CVNV	28/60	26/30	Không đạt			
15	NV0084	Lê Thị Mai Như		25-09-1996	CVNV	22/60	22/30	Không đạt			
16	NV0096	Chu Văn Vương	25-08-1996		CVNV	32/60	13/30	Không đạt			
17	NV0097	Hoàng Hải Yến		03-12-1998	CVNV	26/60	25/30	Không đạt			
18	NV0070	Cam Thị Giang		03-09-1994	CVNV			Vắng			
19	NV0072	Nông Thu Hậu		27-07-1999	CVNV			Vắng			
20	NV0073	Chu Thị Kim Hòa		23-01-1999	CVNV			Vắng			
21	NV0074	Đinh Trọng Huân	31-08-1999		CVNV			Vắng			
22	NV0075	Hoàng Thị Mai Hương		21-05-1996	CVNV			Vắng			
23	NV0078	Trần Thị Nhật Linh		07-01-2000	CVNV			Vắng			
24	NV0082	Vy Phương Nguyên		23-10-1990	CVNV			Vắng			
25	NV0083	Dương Huyền Nhi		18-12-1993	CVNV			Vắng			
26	NV0086	Nguyễn Hoàng Phương		17-10-1997	CVNV			Vắng			
27	NV0089	Ngô Minh Thúy		11-09-1996	CVNV			Vắng			
28	NV0090	Vy Thu Thủy		14-12-1996	CVNV			Vắng			
29	NV0091	Đỗ Văn Toàn	09-01-1995		CVNV			Vắng			
30	NV0093	Nguyễn Thị Vân Trang		15-07-1993	CVNV			Vắng			
31	NV0094	Bé Vũ Kiều Trinh		03-05-1998	CVNV			Vắng			
32	NV0098	Triệu Hải Yến		12-04-1999	CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
NHNN CHI NHÁNH LÀO CAI												
1	NV0101	Hà Thùy	Chi		13-12-1989	CVNV	32/60	19/30	Đạt	Bàn 1	Ca 2 từ 09h00 - 11h30	Thứ Bảy, ngày 24/9/2022
2	NV0102	Trần Anh	Dũng	18-12-1995		CVNV	34/60	15/30	Đạt			
3	NV0106	Trần Thị Tuyết	Hoa		21-02-1992	CVNV	40/60	26/30	Đạt			
4	NV0109	Trương Thị Thu	Huyền		12-11-1991	CVNV	40/60	22/30	Đạt			
5	NV0112	Nguyễn Thị Thùy	Linh		23-7-1993	CVNV	48/60	24/30	Đạt			
6	NV0114	Phùng Thị	Ninh		02-08-1994	CVNV	37/60	26/30	Đạt			
7	NV0116	Nguyễn Thùy	Mai		11-04-1993	CVNV	44/60	21/30	Đạt			
8	NV0123	Ngô Phương	Thảo		01-12-1998	CVNV	37/60	28/30	Đạt			
9	NV0124	Vũ Thị	Thùy		17-07-1993	CVNV	47/60	27/30	Đạt			
10	NV0125	Ninh Thị Thu	Trang		16-9-1989	CVNV	49/60	25/30	Đạt			
11	NV0127	Phạm Lê	Vy		23-12-1998	CVNV	36/60	20/30	Đạt			
12	NV0099	Nguyễn Thị Mai	Anh		12-02-1998	CVNV	38/60	14/30	Không đạt			
13	NV0108	Hồ Thu	Hương		28-7-1996	CVNV	32/60	13/30	Không đạt			
14	NV0110	Vũ Duy	Khánh	26-11-1995		CVNV	25/60	17/30	Không đạt			
15	NV0111	Phí Ngọc	Khoa	23-04-1999		CVNV	24/60	20/30	Không đạt			
16	NV0113	Hoàng Phương	Linh		21-03-1998	CVNV	29/60	21/30	Không đạt			
17	NV0118	Nguyễn Hồng	Ngọc		18-11-1999	CVNV	24/60	15/30	Không đạt			
18	NV0119	Nguyễn Phúc Trang	Nhung		02-06-2000	CVNV	25/60	21/30	Không đạt			
19	NV0100	Lê Việt	Anh		12-12-1994	CVNV			Vắng			
20	NV0103	Lý Hương	Giang		26-3-1995	CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
21	NV0104	Nguyễn Thị Thu Hà		31-08-1997	CVNV			Vắng			
22	NV0105	Trần Thị Thu Hằng		05-06-1992	CVNV			Vắng			
23	NV0107	Phạm Thị Thu Hương		05-11-1998	CVNV			Vắng			
24	NV0115	Đỗ Thị Ngọc Mai		05-09-1989	CVNV			Vắng			
25	NV0117	Phí Thị Quỳnh Nga		01-06-1991	CVNV			Vắng			
26	NV0120	Phạm Hà Phương		19-05-1994	CVNV			Vắng			
27	NV0121	Nguyễn Thị Hoài Phương		29-12-1995	CVNV			Vắng			
28	NV0122	Trần Thị Diễm Quỳnh		10-11-1996	CVNV			Vắng			
29	NV0126	Hoàng Thị Tuyết		15-8-1990	CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH BẮC KẠN											
1	NV0128	Trần Ngọc Ánh		07-02-1991	CVNV	39/60	27/30	Đạt	Bàn 1	Ca 1, từ 07h00 - 09h30	Thứ Bảy, ngày 24/9/2022
2	NV0130	Trương Phúc Duy	29-9-1994		CVNV	39/60	21/30	Đạt			
3	NV0129	Triệu Thị Dâu		07-07-1993	CVNV	46/60	14/30	Không đạt			
4	NV0131	Đặng Thị Lệ		09-4-1993	CVNV	36/60	14/30	Không đạt			
5	NV0132	Ma Thị Linh		19-5-1994	CVNV	22/60	8/30	Không đạt			
6	NV0133	Nông Thị Kiều Mỹ		18-10-1997	CVNV	33/60	14/30	Không đạt			
7	NV0134	Lý Hoàng Oánh		29-8-1989	CVNV			Vắng			
8	NV0135	Nguyễn Thị Thương Thương		19-10-1985	CVNV			Vắng			



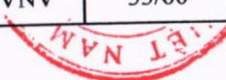
TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
NHNN CHI NHÁNH YÊN BÁI												
1	NV0139	Nguyễn Tài	Hạnh	30-03-1989		CVNV	31/60	25/30	Đạt	Bàn 1	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Thứ Bảy, ngày 24/9/2022
2	NV0141	Trịnh Quốc	Huy	24-6-2000		CVNV	41/60	28/30	Đạt			
3	NV0142	Trần Diệu	Linh		08-6-1999	CVNV	43/60	26/30	Đạt			
4	NV0144	Nguyễn Văn	Mạnh	17-02-1997		CVNV	36/60	24/30	Đạt			
5	NV0147	Vũ Thị Hồng	Nhung		08-12-1993	CVNV	42/60	23/30	Đạt			
6	NV0149	Đỗ Mai	Phương		01-12-2000	CVNV	44/60	28/30	Đạt			
7	NV0153	Phạm Minh	Thảo		14-3-1995	CVNV	38/60	22/30	Đạt			
8	NV0158	Ngô Thị Hải	Yến		13-6-2000	CVNV	44/60	22/30	Đạt			
9	NV0136	Dương Tùng	Anh	22-08-1998		CVNV	24/60	16/30	Không đạt			
10	NV0152	Lý Phương	Thảo		12-11-2000	CVNV	29/60	15/30	Không đạt			
11	NV0155	Nguyễn Thị Hạnh	Thùy		16-8-2000	CVNV	21/60	12/30	Không đạt			
12	NV0157	Lê Thanh	Tùng	02-9-1998		CVNV	29/60	19/30	Không đạt			
13	NV0137	Lê Hương	Giang		17-11-1998	CVNV			Vắng			
14	NV0138	Đào Lê Thu	Hằng		04-08-1999	CVNV			Vắng			
15	NV0140	Nguyễn Thị	Huế		09-08-1991	CVNV			Vắng			
16	NV0143	Vũ Thanh	Loan		18-3-1999	CVNV			Vắng			
17	NV0145	Đỗ Xuân	Nghĩa	12-9-1993		CVNV			Vắng			
18	NV0146	Nguyễn Nguyên	Ngọc	05-10-1990		CVNV			Vắng			
19	NV0148	Trần Diệu	Ninh		26-7-1992	CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
20	NV0150	Phạm Thị Thu	Phương		24-02-1991	CVNV			Vắng			
21	NV0151	Đinh Trần	Thanh	9-11-1999		CVNV			Vắng			
22	NV0154	Trần Anh	Thư		20-12-1999	CVNV			Vắng			
23	NV0156	Nguyễn Phương	Trang		16-7-1999	CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH QUẢNG NINH												
1	NV0159	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh		05-02-1999	CVNV	42/60	28/30	Đạt	Bàn 2	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Chủ Nhật, ngày 25/9/2022
2	NV0161	Phạm Minh	Anh		01-12-1997	CVNV	36/60	Miễn	Đạt			
3	NV0162	Phạm Thị Quỳnh	Anh		26-03-1996	CVNV	36/60	Miễn	Đạt			
4	NV0165	Phạm Quang	Đạt	02-02-1994		CVNV	42/60	22/30	Đạt			
5	NV0166	Mạc Thị Đăng	Dung		17-02-1996	CVNV	50/60	27/30	Đạt			
6	NV0167	Lê Ánh Thùy	Dương		18-10-1991	CVNV	51/60	19/30	Đạt			
7	NV0168	Lưu Thùy	Dương		08-09-1997	CVNV	34/60	25/30	Đạt			
8	NV0172	Phạm Thị	Hậu		05-09-1990	CVNV	31/60	24/30	Đạt			
9	NV0174	Phạm Thanh	Hoa		14-10-1986	CVNV	31/60	Miễn	Đạt			
10	NV0175	Dương Thu	Hoài		15-11-1993	CVNV	49/60	Miễn	Đạt			
11	NV0176	Đỗ Quốc	Hội	24-07-1986		CVNV	37/60	22/30	Đạt			
12	NV0180	Ngô Thị Thanh	Thương		13-03-1986	CVNV	43/60	23/30	Đạt			



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2	
						Kiến thức chung	Tiếng Anh					
13	NV0181	Nguyễn Thị Hà	Hương		29-12-1987	CVNV	35/60	20/30	Đạt	Bàn 2	Ca 2 từ 09h00 - 11h30	Chủ Nhật, ngày 25/9/2022
14	NV0182	Nguyễn Khánh	Huyền		30-09-1998	CVNV	39/60	27/30	Đạt			
15	NV0184	Vũ Thị Thanh	Huyền		27-01-1993	CVNV	39/60	20/30	Đạt			
16	NV0191	Tăng Hà	Ngân		06-11-1996	CVNV	43/60	29/30	Đạt			
17	NV0192	Vũ Thúy	Ngọc		12-12-1997	CVNV	39/60	23/30	Đạt			
18	NV0193	Nguyễn Hoàng	Như		25-07-1995	CVNV	45/60	27/30	Đạt			
19	NV0194	Đinh Thị Như	Quỳnh		07-12-1991	CVNV	42/60	24/30	Đạt			
20	NV0196	Mai Thị Thanh	Tâm		04-12-1996	CVNV	44/60	19/30	Đạt			
21	NV0197	Nguyễn Xuân	Thắng	29-08-1986		CVNV	50/60	25/30	Đạt			
22	NV0200	Trần Thanh	Thảo		24-05-2000	CVNV	42/60	21/30	Đạt			
23	NV0202	Trần Thị Như	Trang		12-08-1992	CVNV	44/60	19/30	Đạt			
24	NV0205	Đỗ Đức	Tú	18-10-1989		CVNV	43/60	25/30	Đạt			
25	NV0160	Nguyễn Thị Trung	Anh		17-10-2000	CVNV	24/60	23/30	Không đạt			
26	NV0173	Phạm Công	Hiệu	16-11-1991		CVNV	28/60		Không đạt			
27	NV0190	Hoàng Thị Kim	Ngân		08-02-2000	CVNV	27/60	21/30	Không đạt			
28	NV0199	Đỗ Thanh	Thảo		17-07-1999	CVNV	28/60	15/30	Không đạt			
29	NV0163	Nguyễn Thị Linh	Chi		18-01-1997	CVNV			Vắng			
30	NV0164	Hoàng Hải	Đăng	29-04-1994		CVNV			Vắng			
31	NV0169	Nguyễn Thị Ngân	Giang		05-10-1994	CVNV			Vắng			
32	NV0170	Đỗ Thị	Hà		05-05-1991	CVNV			Vắng			
33	NV0171	Phạm Ngọc	Hằng		26-10-1998	CVNV			Vắng			
34	NV0177	Bùi Minh	Hồng		27-08-1997	CVNV			Vắng			
35	NV0178	Đỗ Thị Thu	Huệ		18-11-1998	CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
36	NV0179	Nguyễn Nhật Hưng	16-02-1999		CVNV			Vắng			
37	NV0183	Nguyễn Thị Minh Huyền		01-04-1990	CVNV			Vắng			
38	NV0185	Nguyễn Thị Hương Lan		04-12-1983	CVNV			Vắng			
39	NV0186	Bùi Thị Thùy Linh		27-10-1989	CVNV			Vắng			
40	NV0187	Đinh Thị Mỹ Linh		20-01-1996	CVNV			Vắng			
41	NV0188	Nguyễn Thị Huyền Mây		24-04-1993	CVNV			Vắng			
42	NV0189	Trần Tuấn Minh	26-05-1995		CVNV			Vắng			
43	NV0195	Phạm Thái Sơn	05-04-1997		CVNV			Vắng			
44	NV0198	Đặng Thị Thảo		05-10-1990	CVNV			Vắng			
45	NV0201	Phạm Thị Thu Thủy		24-08-1991	CVNV			Vắng			
46	NV0203	Vũ Thị Thu Trang		11-09-1994	CVNV			Vắng			
47	NV0204	Nguyễn Đức Trung	15-04-1996		CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH TUYỂN QUANG											
1	NV0206	Nguyễn Thị Bằng		28-7-1991	CVNV	32/60	16/30	Đạt	Bàn 2	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Thứ Bảy, ngày 24/9/2022
2	NV0207	Nguyễn Thu Hà		17-12-1989	CVNV	37/60	28/30	Đạt			
3	NV0212	Vũ Minh Khánh		10-3-2000	CVNV	34/60	25/30	Đạt			
4	NV0213	Trần Thị Nhung		08-9-1998	CVNV	34/60	27/30	Đạt			
5	NV0214	Trần Thị Hồng Ngọc		16-7-1996	CVNV	33/60	18/30	Đạt			
6	NV0215	Nguyễn Thị Hương Thảo		25-7-1989	CVNV	35/60	21/30	Đạt			
7	NV0216	Nguyễn Thu Trang		28-02-1992	CVNV	45/60	25/30	Đạt			
8	NV0217	Trịnh Huyền Trang		23-7-1998	CVNV	38/60	28/30	Đạt			
9	NV0218	Trần Văn Tiến	01-7-1994		CVNV	45/60	25/30	Đạt			
10	NV0220	Nguyễn Hương Quỳnh		15-6-1998	CVNV	33/60	25/30	Đạt			



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
11	NV0209	Đỗ Thị	Hào		05-10-1992	CVNV	31/60	12/30	Không đạt			
12	NV0210	Cao Nam	Giang	17-11-2000		CVNV	36/60	12/30	Không đạt			
13	NV0211	Trần Lý Hương	Giang		16-3-1999	CVNV	23/60		Không đạt			
14	NV0219	Phạm Trung	Thành	11-3-1990		CVNV	34/60	12/30	Không đạt			
15	NV0208	Vũ Ngọc	Hải	04-12-1991		CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH SƠN LA												
1	NV0221	Nguyễn Phương	Anh		07-08-1998	CVNV	34/60	20/30	Đạt	Bàn 2	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Thứ Bảy, ngày 24/9/2022
2	NV0223	Nguyễn Nhật	Cường	26-11-2000		CVNV	33/60	23/30	Đạt			
3	NV0224	Nguyễn Thị	Đức		24-3-1999	CVNV	32/60	19/30	Đạt			
4	NV0227	Nguyễn Thị Liên	Phương		25-12-1998	CVNV	34/60	30/30	Đạt			
5	NV0228	Cầm Văn	Thắng	11-10-1993		CVNV	45/60	22/30	Đạt			
6	NV0229	Quảng Thị Anh	Thư		28-3-1998	CVNV	34/60	20/30	Đạt			
7	NV0230	Đặng Thị Huyền	Trang		01-12-1990	CVNV	37/60	20/30	Đạt			
8	NV0231	Nguyễn Thị Thu	Trang		30/3/1996	CVNV	32/60	15/30	Đạt			
9	NV0222	Lường Thùy	Chinh		03-11-1999	CVNV			Vắng			
10	NV0225	Mê Thị Hồng	Hạnh		07-6-1995	CVNV			Vắng			
11	NV0226	Hà Thị Thanh	Huyền		29-7-1993	CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH PHÚ THỌ												
1	NV0232	Lê Đức	Anh	22-05-1993		CVNV	41/60	18/30	Đạt	Bàn 2	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Chủ Nhật, ngày 25/9/2022
2	NV0234	Nguyễn Thị Thùy	Anh		15-09-1998	CVNV	51/60	28/30	Đạt			
3	NV0235	Phạm Thị Thúy	Hằng		20-10-1986	CVNV	39/60	22/30	Đạt			
4	NV0236	Trần Thị Hồng Ngọc	Huyền		26-11-1999	CVNV	38/60	27/30	Đạt			
5	NV0237	Nguyễn Khánh	Linh		09-10-1993	CVNV	44/60	23/30	Đạt			
6	NV0238	Hà Phương	Ngân		12-12-1990	CVNV	43/60	27/30	Đạt			
7	NV0240	Lê Thị Ngọc	Oanh		18-11-1996	CVNV	36/60	29/30	Đạt			



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
8	NV0233	Trần Thị Mai Anh		22-01-1996	CVNV			Vắng			
9	NV0239	Phạm Tuấn Ngọc	30-11-1997		CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH HÀ GIANG											
1	NV0243	Phạm Mỹ Duyên		09-05-1999	CVNV	44/60	24/30	Đạt	Bàn 2	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Thứ Bảy, ngày 24/9/2022
2	NV0244	Phùng Huy Đạt	01-02-1999		CVNV	30/60	28/30	Đạt			
3	NV0245	Đặng Ngọc Hà		29-11-1998	CVNV	36/60	20/30	Đạt			
4	NV0248	Sin Thu Huyền		20-02-1999	CVNV	37/60	15/30	Đạt			
5	NV0250	Đàm Mai Linh		06-09-1999	CVNV	40/60	19/30	Đạt			
6	NV0252	Nguyễn Thị Kim Oanh		05-10-1997	CVNV	46/60	25/30	Đạt			
7	NV0255	Nguyễn Quỳnh Trang		18-08-1993	CVNV	34/60	Miễn	Đạt			
8	NV0242	Trần Ngọc Bích		17-07-1999	CVNV	23/60	18/30	Không đạt			
9	NV0246	Phí Thị Hoàng Hạnh		20-06-2000	CVNV	33/60	13/30	Không đạt			
10	NV0247	Nguyễn Thu Hoài		02-11-1999	CVNV	20/60	14/30	Không đạt			
11	NV0251	Nguyễn Hà My		09-12-1994	CVNV	24/60		Không đạt			
12	NV0253	Nguyễn Hồng Thái	19-04-1996		CVNV	26/60	18/30	Không đạt			
13	NV0241	Nguyễn Thị Thiên Anh		21-07-1996	CVNV			Vắng			
14	NV0249	Ngô Huệ Hương		24-09-1992	CVNV			Vắng			
15	NV0254	Nguyễn Thùy Trang		07-04-1995	CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
NHNN CHI NHÁNH LAI CHÂU												
1	NV0256	Lê Thị Vân	Anh		16-05-1993	CVNV	43/60	Miễn	Đạt	Bàn 1	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Thứ Bảy, ngày 24/9/2022
2	NV0258	Bùi Thị Huệ	Chi		06-12-1998	CVNV	39/60	17/30	Đạt			
3	NV0261	Vũ Năng	Dũng	19-12-1998		CVNV	49/60	22/30	Đạt			
4	NV0262	Nguyễn Thị Mai	Hương		23-10-1995	CVNV	32/60	18/30	Đạt			
5	NV0263	Lê Hoàng	Long	23-12-1993		CVNV	34/60	27/30	Đạt			
6	NV0264	Nguyễn Vũ Thu	Thảo		18-05-2000	CVNV	40/60	Miễn	Đạt			
7	NV0259	Đồng Thị Kim	Chi		01-11-1991	CVNV	36/60	14/30	Không đạt			
8	NV0260	Vũ Mạnh	Cường	04-11-1999		CVNV	26/60	15/30	Không đạt			
9	NV0265	Phạm Xuân	Tiến	20-10-1993		CVNV	20/60		Không đạt			
10	NV0257	Trần Ngọc	Ánh		19-04-1999	CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH HÒA BÌNH												
1	NV0266	Đỗ Thị Phương	Anh		01-01-1996	CVNV	39/60	23/30	Đạt	Bàn 2	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Thứ Bảy, ngày 24/9/2022
2	NV0269	Bùi Thu	Hằng		17-02-1997	CVNV	39/60	20/30	Đạt			
3	NV0271	Vũ Hồng	Nhung		21-7-1995	CVNV	37/60	23/30	Đạt			
4	NV0272	Hoàng Thu	Quỳnh		30-01-1992	CVNV	35/60	20/30	Đạt			
5	NV0270	Bùi Thị Thu	Hòa		21-6-1996	CVNV	29/60		Thí sinh có kết quả không đạt và không ký xác nhận kết quả thi			
6	NV0267	Phạm Bảo	Chung	05-7-1997		CVNV			Vắng			
7	NV0268	Nguyễn Linh	Giang		30-5-1998	CVNV			Vắng			
8	NV0273	Nguyễn Thị Ngọc	Trang		22-07-1996	CVNV			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH VĨNH PHÚC												

12/09/2022

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
1	NV0487	Nguyễn Duy	Anh	06-11-1994		CVNV	32/60	Miễn	Đạt	Bàn 1	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Chủ Nhật, ngày 25/9/2022
2	NV0493	Hà Ngọc	Ánh		22-02-1996	CVNV	30/60	20/30	Đạt			
3	NV0495	Lê Đình	Dương	21-07-1995		CVNV	33/60	19/30	Đạt			
4	NV0498	Trần Thị Thu	Hằng		26-02-1988	CVNV	36/60	18/30	Đạt			
5	NV0500	Nguyễn Thị Thu	Hiền		10-04-1984	CVNV	30/60	23/30	Đạt			
6	NV0504	Nguyễn Thị Thảo	Hương		23-01-1991	CVNV	40/60	20/30	Đạt			
7	NV0505	Tạ Thanh	Hương		10-03-1996	CVNV	32/60	29/30	Đạt			
8	NV0510	Bùi Thị Thanh	Huyền		29-03-1994	CVNV	36/60	24/30	Đạt			
9	NV0513	Phạm Thị	Lan		26-02-1989	CVNV	40/60	24/30	Đạt			
10	NV0514	Nguyễn Thị Hồng	Lanh		02-09-1994	CVNV	38/60	Miễn	Đạt			
11	NV0515	Nguyễn Hải	Linh		03-06-1995	CVNV	38/60	17/30	Đạt			
12	NV0516	Nguyễn Thị Thanh	Linh		18-04-1999	CVNV	38/60	21/30	Đạt	Bàn 1	Ca 2 từ 09h00 - 11h30	Chủ Nhật, ngày 25/9/2022
13	NV0521	Nguyễn Bích	Ngọc		25-12-1998	CVNV	44/60	25/30	Đạt			
14	NV0522	Dương Thị Bích	Ngọc		06-09-1999	CVNV	33/60	26/30	Đạt			
15	NV0523	Tạ Thị Hồng	Ngọc		05-12-1994	CVNV	36/60	29/30	Đạt			
16	NV0525	Đỗ Thị Hồng	Nhật		20-06-1997	CVNV	39/60	24/30	Đạt			
17	NV0527	Bùi Thị Bích	Phương		04-02-1993	CVNV	46/60	22/30	Đạt			
18	NV0529	Lê Phương	Thảo		02-05-1989	CVNV	30/60	17/30	Đạt			
19	NV0532	Nguyễn Thị	Thu		12-10-1991	CVNV	41/60	20/30	Đạt			
20	NV0536	Nguyễn Hà	Trang		13-09-2000	CVNV	42/60	23/30	Đạt			
21	NV0538	Nguyễn Thu	Trang		14-08-1997	CVNV	30/60	26/30	Đạt			
22	NV0542	Hoàng Lê	Tùng	24-06-1991		CVNV	33/60	21/30	Đạt			
23	NV0491	Lê Thị Hà	Anh		06-08-2000	CVNV	26/60	22/30	Không đạt			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
24	NV0494	Nguyễn Khắc Định	10-10-1994		CVNV	26/60	26/30	Không đạt			
25	NV0497	Trần Lô Giang		21-09-1986	CVNV	23/60	17/30	Không đạt			
26	NV0508	Trần Thị Thu Hường		18-09-1995	CVNV	29/60		Không đạt			
27	NV0528	Nguyễn Thị Bích Phượng		10-12-1990	CVNV	26/60		Không đạt			
28	NV0533	Nguyễn Ngọc Toàn	20-06-1998		CVNV	25/60		Không đạt			
29	NV0488	Nguyễn Thị Phương Anh		05-12-1998	CVNV			Vắng			
30	NV0489	Hoàng Ngọc Anh		17-07-2000	CVNV			Vắng			
31	NV0490	Nguyễn Bùi Hà Anh		17-10-1996	CVNV			Vắng			
32	NV0492	Ngô Thị Phương Anh		03-02-1996	CVNV			Vắng			
33	NV0496	Trần Thị Hương Giang		06-12-1994	CVNV			Vắng			
34	NV0499	Nguyễn Thị Hằng		04-12-1992	CVNV			Vắng			
35	NV0501	Nguyễn Thị Hoa		27-01-1990	CVNV			Vắng			
36	NV0502	Nguyễn Thị Hoa		06-07-1997	CVNV			Vắng			
37	NV0503	Lê Thị Thanh Huệ		20-07-1998	CVNV			Vắng			
38	NV0506	Đinh Thị Hương		12-11-1991	CVNV			Vắng			
39	NV0507	Dương Lan Hương		27-12-1994	CVNV			Vắng			
40	NV0509	Đường Thu Hường		04-05-1993	CVNV			Vắng			
41	NV0511	Nguyễn Thanh Lâm	07-02-1999		CVNV			Vắng			
42	NV0512	Lê Tùng Lâm	28-06-1996		CVNV			Vắng			
43	NV0517	Nguyễn Khánh Linh		08-06-2000	CVNV			Vắng			
44	NV0518	Vũ Thị Lý		30-06-1990	CVNV			Vắng			
45	NV0519	Phùng Thị Nga		08-04-1991	CVNV			Vắng			
46	NV0520	Trương Thanh Nga		01-01-1999	CVNV			Vắng			
47	NV0524	Nguyễn Thị Như Nguyệt		26-05-2000	CVNV			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
48	NV0526	Đường Thị Hồng	Nhung		17-07-1993	CVNV			Vắng			
49	NV0530	Lê Thị Thu	Thảo		20-08-1997	CVNV			Vắng			
50	NV0531	Vũ Tuấn	Thiên	07-12-1997		CVNV			Vắng			
51	NV0534	Nguyễn Thị Kiều	Trang		23-02-1999	CVNV			Vắng			
52	NV0535	Nguyễn Thị Kiều	Trang		22-07-1993	CVNV			Vắng			
53	NV0537	Ngô Huyền	Trang		19-11-1986	CVNV			Vắng			
54	NV0539	Nguyễn Thị Vân	Trang		07-10-1991	CVNV			Vắng			
55	NV0540	Nguyễn Ngọc	Trung	09-02-1993		CVNV			Vắng			
56	NV0541	Trần Chí	Trung	20-01-1999		CVNV			Vắng			
57	NV0543	Nguyễn Thị	Vân		20-07-1993	CVNV			Vắng			
58	NV0544	Nguyễn Thị Thúy	Vân		24-02-1993	CVNV			Vắng			
CƠ QUAN TTGSNH												
1	CNTT01	Nguyễn Thị Vân	Anh		14-04-1996	CV PTPM	37/60	25/30	Đạt	Bàn 1	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Chủ Nhật, ngày 25/9/2022
2	CNTT02	Nguyễn Mạnh	Cường	11-7-1996		CV PTPM	32/60	24/30	Đạt			
3	CNTT03	Nguyễn Quốc	Đạt	23-10-1990		CV PTPC	42/60	27/30	Đạt			
4	CNTT06	Lê Xuân	Hung	7-10-1978		CV PTPC	31/60	21/30	Đạt			
5	CNTT07	Nguyễn Bích	Ngọc		27-11-1990	CV PTPM	39/60	23/30	Đạt			
6	CNTT09	Phạm Ngọc	Quỳnh		10-8-1988	CV PTPC	31/60	23/30	Đạt			
7	CNTT12	Nguyễn Thị Diễm	Thu		30-03-1992	CV PTPM	33/60	23/30	Đạt			
8	CNTT04	Hứa Thị	Hạnh		14-08-1990	CV PTPM	30/60	10/30	Không đạt			
9	CNTT05	Phạm Diệu	Hằng		06-07-1991	CV PTPM	24/60	20/30	Không đạt			



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
10	CNTT08	Ngô Thị Quế		27-7-1983	CV PTPM			Vắng			
11	CNTT10	Nguyễn Đức Tùng	24-06-1998		CV PTPC			Vắng			
12	CNTT11	Hà Văn Thiệu	4-2-1989		CV PTPM			Vắng			
	CỤC CNTT										
1	CNTT13	Nguyễn Ngọc Linh	9-05-1996		CV PTPM	40/60	29/30	Đạt	Bàn 1	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Chủ Nhật, ngày 25/9/2022

8/17

